

## QUY ĐỊNH

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số:  /2022/QĐ-UBND ngày /8/2022 của UBND tỉnh)

## CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là *các sở, ban, ngành và địa phương*).

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

## CHƯƠNG II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Mục 1

### **NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo quyền chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí (trừ 20 xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 90/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 - sau đây gọi tắt là các xã đặc biệt khó khăn).

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

5. Hỗ trợ các huyện thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

6. Địa phương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

7. Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành và địa phương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022)**

Nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016-2020. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho 113 xã (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 là 113 xã) thực hiện Chương trình, như sau:

1. Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0.
2. Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.
3. Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): Hệ số 1,0.

#### **Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025**

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho 93 xã (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 là 113 xã trừ 20 xã đặc biệt khó khăn) thực hiện Chương trình tính đến hết năm 2021, như sau:

- a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0.
- b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.
- c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

2. Hệ số phân bổ cho 02 huyện Tây Sơn và Phù Mỹ thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

## **Mục 2**

### **QUY ĐỊNH TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Giai đoạn 2021-2025, ngân sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### **Điều 7. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

1. Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.

2. Giai đoạn 2022-2025, ngân sách địa phương đối ứng thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:

2.1. Đối với huyện thực hiện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

a) Huyện Tây Sơn: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

b) Huyện Phù Mỹ: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

c) Huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ gấp 2 lần so với mức vốn trung ương và tỉnh hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và tối đa 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

2.2. Đối với các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025

a) Đối với 20 xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Tây Sơn và Hoài Ân (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ):

- Thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn có đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 tương đương với mức hỗ trợ của các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh. Hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

b) Đối với các xã còn lại thuộc 3 huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

c) Đối với các xã thuộc 02 huyện Tây Sơn và Hoài Ân: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

d) Đối với các xã thuộc các huyện còn lại: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

đ) Đối với các xã thuộc các thị xã: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 40%; ngân sách thị xã, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

e) Đối với các xã thuộc thành phố Quy Nhơn: Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 30%; ngân sách thành phố, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại; ngân sách tỉnh không hỗ trợ.

### **CHƯƠNG III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, các địa phương tổng hợp phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này.

b) Hướng dẫn các sở, ban ngành và địa phương tổ chức triển khai kế hoạch vốn ngân sách trung ương hằng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn đề xuất phương án cân đối, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho Chương trình.

b) Tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện Chương trình trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn của ngân sách tỉnh để thực hiện chương trình và thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này.

d) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố đăng ký danh mục công trình; tổ chức thẩm định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công của Chương trình theo quy định.

### 3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối phù hợp với khả năng nguồn vốn địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm theo đúng quy định. Tổng hợp phương án phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình giai đoạn 5 năm, hằng năm.

c) Phối hợp kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí của chính sách, dự án thuộc Chương trình của các sở, ban ngành, địa phương thực hiện. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả giải ngân nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình.

### 4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành được giao chủ trì các nội dung thành phần và tham gia thực hiện Chương trình

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương trung hạn và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được phân công theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

### 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này;

b) Bố trí vốn đối ứng của ngân sách huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Chương trình và thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này./.